

Khu vực kinh tế phi chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và những vấn đề đặt ra với công tác quản lý

PHẠM THỊ MINH LÝ

Bài viết phân tích thực trạng của khu vực kinh tế phi chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các nhóm giải pháp và gợi ý chính sách nhằm giải quyết các khó khăn tồn tại để phát triển khu vực kinh tế phi chính thức cũng như để hỗ trợ các lao động trong khu vực này.

1. Thực trạng hoạt động khu vực kinh tế phi chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Tổng quan thực trạng việc làm phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh

Tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), khu vực kinh tế phi chính thức có các hoạt động kinh tế đa dạng trong mọi lĩnh vực ngành nghề với quy mô nhỏ, dùng sức lao động của bản thân và gia đình là chính hoặc có thuê mướn một số ít lao động. Đó là các tổ hợp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ (dưới 10 lao động), các cơ sở kinh doanh cá thể và các cá nhân làm nghề tự do với địa điểm sản xuất kinh doanh thường không ổn định và không qui định cụ thể giờ làm việc, phần lớn hoạt động ở nhà, ngõ chợ, bến bãi, tàu xe, vỉa hè, lòng lề đường. Theo kết quả điều tra Lao động và Việc làm năm 2007, khu vực kinh tế phi chính thức (KVKTPCT) đóng vai trò là nguồn cung cấp việc làm lớn nhất (33% tổng số lao động) trên địa bàn TP.HCM và hơn 33% hộ gia đình có thu nhập một phần hay toàn bộ từ KVKTPCT. Điều này cho thấy hoạt động kinh tế phi chính thức có vai trò quan trọng đối với dân cư thành phố.

Chính KVKTPCT đã "gánh đỡ" nhiều cho nền kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế vừa qua. Ở thành thị, khi xảy ra

khủng hoảng kinh tế, các doanh nghiệp thuộc khu vực chính thức bị phá sản hoặc cắt giảm nhân công, những người lao động bị mất việc, bị đặt ra từ khu vực kinh tế chính thức, khi đó KVKTPCT đã phát huy vai trò tích cực trong việc giải quyết việc làm cho số lao động bị mất việc, giúp họ đảm bảo nguồn thu nhập, ổn định an sinh - xã hội, từ đó giúp tỷ lệ thất nghiệp duy trì mức thấp và giúp giảm bớt gánh nặng cho xã hội. Cụ thể là, theo báo cáo về tình hình lao động việc làm của Ủy ban nhân dân TP.HCM¹, trong 6 tháng đầu năm 2011 thành phố có hơn 48.000 người lao động đăng ký thất nghiệp do số lượng các doanh nghiệp giải thể tăng cao. Tuy nhiên, theo nghiên cứu về thị trường lao động tại TP.HCM được điều tra vào tháng 8-2011 của Viện Khoa học lao động và xã hội (Bộ Lao động, thương binh và xã hội) với sự phối hợp của tập đoàn Manpower², thì thời gian thất nghiệp của lao động ở TP.HCM khá ngắn, đặc biệt là thanh niên. Cụ thể là, những người có thời gian thất nghiệp dưới một năm chiếm tỷ lệ cao nhất (44,44%), trong khi đó, số người thất nghiệp từ 1 - 2 năm là 33,33%, và số người thất nghiệp từ 2 - 3 năm chiếm khoảng

Phạm Thị Minh Lý, TS., Trường đại học Tôn Đức Thắng.

1 <http://dantri.com.vn/nghe-nghiep/tpHCM-thai-ngiep-tang-cao-622306.htm>

2 <http://dantri.com.vn/nghe-nghiep/tpHCM-thai-ngiep-chi-la-tam-thoi-637921.htm>

10%. Từ đó cho thấy KVKTPCT ở đây khá lớn và là lưới đỡ tốt cho người lao động. Bên cạnh đó, báo cáo còn cho thấy một kết quả đáng ngạc nhiên đó là mức thu nhập của người lao động trong KVKTPCT ở một số ngành nghề cao hơn cả khu vực chính thức như các ngành dịch vụ ăn uống, sửa chữa nhỏ, uốn tóc,... hay trong thương mại bán buôn, bán lẻ.

Ngoài các đối tượng dạt ra từ khu vực kinh tế chính thức (KVKTCT) do khủng hoảng kinh tế, KVKTPCT còn tiếp nhận một lượng lớn thanh niên đến tuổi lao động, bộ đội xuất ngũ, lao động hợp tác nước ngoài, người hồi hương, cán bộ về hưu và một bộ phận lao động trong khu vực kinh tế chính thức. Bên cạnh đó, KVKTPCT thành thị còn tiếp nhận một lượng lớn dân cư nông nghiệp nông thôn đổ ra thành thị kiếm việc làm trong quá trình đô thị hóa. Thực tế cho thấy KVKTPCT đã tạo việc làm thường xuyên và tạm thời cho khoảng hơn 75% số dân di cư này bởi phần đông trong số họ là nông dân, trình độ học vấn và tay nghề chuyên môn rất thấp và do vậy khó có thể tiếp cận được việc làm ở KVKTCT tại các thành thị.

Bên cạnh việc giải quyết việc làm, KVKTPCT còn đóng góp vào việc thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế thông qua việc tạo ra được giá trị sản lượng khá đáng kể. Kết quả nghiên cứu của Bộ Lao động, thương binh và xã hội công bố đầu năm 2011 cũng cho thấy, KVKTPCT đóng góp 20% GDP của cả nước.

1.2. Một số đặc trưng trong khu vực kinh tế phi chính thức ở TP.HCM

• Đặc điểm của cơ sở sản xuất phi chính thức

Những nơi có nền kinh tế phát triển càng cao thì hoạt động của các doanh nghiệp phi chính thức cũng như lao động phi chính thức càng đông. Ở TP.HCM, lao động phi chính thức chiếm 32,9%, đây là tỷ lệ cao so với các nơi khác (ví dụ như: ở Hà Nội, lao động phi chính thức chiếm 29,9%) và trung bình hơn 30% tổng số hộ gia đình có toàn bộ hoặc một phần thu nhập từ KVKTPCT. Quy mô sản xuất của các cơ sở sản xuất – kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực phi chính thức thường rất nhỏ, chủ yếu là kinh doanh, dịch vụ (chiếm 20%) (bảng 1).

BẢNG 1: Đặc điểm của các cơ sở sản xuất phi chính thức

	Số cơ sở sản xuất	Cơ cấu (% cơ sở sản xuất)	Cơ cấu (% việc làm)	Quy mô lao động (người)
<i>Tổng cơ sở sản xuất phi chính thức</i>	749.358	74,6	62,4	1,5
Công nghiệp	163.852	21,9	29,6	2,0
Thương mại	241.499	32,2	28,7	1,3
Dịch vụ	344.007	45,9	41,1	1,4
<i>Tổng cơ sở sản xuất chính thức</i>	255.707	25,4	37,6	2,6
<i>Tổng cơ sở sản xuất</i>	1.005.065	100	100	1,8

Nguồn: Cling(2009). Dữ liệu TCTK-Viện KHTK/IRD-DIAL.

Các hộ sản xuất kinh doanh thuộc KVKTPCT có quy mô rất nhỏ, trung bình 1,5 lao động, chủ yếu tập trung trong các ngành dịch vụ (giữ vị trí số một) như các nhà hàng ăn uống, khách sạn, sửa chữa nhỏ... chiếm tỷ trọng trên 45% và thương mại (giữ vai trò số hai) như bán buôn, bán lẻ... chiếm tỷ trọng

trên 32%, cuối cùng là ngành công nghiệp và xây dựng. Kết quả này cho thấy, lĩnh vực thương mại và dịch vụ thu hút khá đông số lượng lao động phi chính thức, một trong số những nguyên nhân chính đó là do việc hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai lĩnh vực này thường khá dễ dàng.

Địa điểm hoạt động cơ sở sản xuất phi chính thức khá đa dạng. Về vị trí làm việc của các cơ sở này, có thể tạm thời xếp thành hai loại địa điểm làm việc chính: địa điểm làm việc cố định (không có sự thay đổi vị trí khi làm việc) chiếm 68,4%, và địa điểm làm việc không cố định (có sự thay đổi trong quá trình làm việc) chiếm 31,6%. Địa điểm kinh doanh của những cơ sở không cố định thường là các vỉa hè, các công viên, các con đường nơi tập trung các quán ăn, quán giải khát hoặc các bờ kênh,...

• *Thành phần lao động*

Lao động khu vực phi chính thức TP.HCM chủ yếu là người nhập cư, phần lớn đến từ các tỉnh miền Trung, với mục đích là kiếm

tiền gửi về quê phụ giúp gia đình. Đối với những người đã có gia đình, mục đích của họ là tích lũy tiền để đầu tư cho con cái. Họ tận dụng mọi nguồn thời gian, làm bất cứ công việc gì miễn là không vi phạm pháp luật để có thêm thu nhập. Để tiết kiệm chi phí, điều kiện sống của họ là những căn hộ chật hẹp, thiếu tiện nghi... Do lao động phi chính thức tăng lên nhưng nhu cầu nhóm đối tượng này lại không tăng, nên lao động phi chính thức cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt, việc kiếm sống khó khăn hơn. Thu nhập của lao động phi chính thức cũng bị sụt giảm vì tình hình kinh tế khó khăn.

• *Thu nhập và thời gian làm việc của các lao động trong khu vực phi chính thức*

BẢNG 2: Thời gian làm việc và thu nhập bình quân (gồm cả chủ hộ sản xuất kinh doanh)

	Thời gian làm việc bình quân tuần/lao động (giờ)	Thu nhập bình quân tháng/lao động (1.000 đồng)	Trung vị thu nhập tháng/lao động (1.000 đồng)
<i>Hộ sản xuất kinh doanh thuộc KVKTPCT</i>	52,1	2.156	1.371
Công nghiệp và xây dựng	51,6	1.918	1.300
Thương mại	55,2	2.056	1.270
Dịch vụ	50,3	2.394	1.473
<i>Hộ sản xuất kinh doanh thuộc KVKTC</i>	59,9	2.751	1.500
<i>Trung các hộ sản xuất kinh doanh</i>	55,0	2.751	1.400

Nguồn: Cling (2009). Dự án TCTK-Viện KHTK/IRD-DIAL.

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, mặc dù có số giờ làm việc bình quân một tuần cao hơn so với quy định của Nhà nước đề ra (52 giờ so với 40 giờ) song lao động trong KVKTPCT lại có thu nhập thấp. Mức tiền công trung bình một tháng của một lao động thuộc khu vực này chỉ khoảng 2,2 triệu đồng. Tuy nhiên, trung vị

mức thu nhập bình quân hàng tháng là 1,37 triệu đồng, thấp hơn nhiều so với mức trung bình. Điều này cho thấy thu nhập ở KVKTPCT rất không đồng đều, nghĩa là có một bộ phận khá lớn các lao động thuộc KVKTPCT có mức thu nhập thấp trong khi đó chỉ có một bộ phận nhỏ có mức thu nhập cao.

BẢNG 3: Thời gian hoạt động của lao động phi chính thức

	Tần số	Tần suất (%)
Dưới 8 giờ/ngày	225	64,1
8 đến 12 giờ/ngày	88	25,1
Trên 12 giờ/ngày	38	10,8
Tổng	351	100,0

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Bảng 3 cho thấy đa phần các lao động làm việc dưới 8 giờ/ngày (chiếm 64,1%). Trong khi đó, 25,1% số lao động làm việc khoảng 8 đến 12 giờ/ngày và gần 11% lao động làm việc trên 12 giờ/ngày.

Với những lao động làm việc trên 8 giờ/ngày, phần lớn trong số họ làm việc tại những địa điểm cố định và tập trung trong lĩnh vực dịch vụ. Trong đó, tập trung nhiều trong lĩnh vực dịch vụ và kinh doanh như thực phẩm, ăn uống, giúp việc, vận tải hoặc gia sư,... Bên cạnh đó, những lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp như nhân viên kinh doanh, nhân viên bán hàng hoặc các lao động bán hàng rong làm việc dưới 8 giờ/ngày cũng khá phổ biến với tỷ lệ khoảng 26%.

• Trình độ học vấn của các lao động

Trình độ học vấn của lao động phi chính thức đa dạng, với 64,1% có trình độ từ trung học phổ thông trở xuống và 35,9% có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên. Điều này cho thấy, lao động có trình độ học vấn thấp có xu hướng tham gia vào lĩnh vực kinh tế phi chính thức khá đông, phần đông trong số này có thể tham gia dưới dạng lao động tự do, tự quản lý, hoặc hoạt động dưới dạng kinh tế hộ gia đình, một bộ phận khác tham gia vào các doanh nghiệp dưới dạng công nhân nhưng thực tế, lao động thuộc đối tượng này hoạt động và hưởng thu nhập theo sản phẩm, không được ký hợp đồng lao động và không

được hưởng các chế độ, các chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn hoặc bảo hiểm xã hội.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, lao động có trình độ học vấn càng thấp có số giờ lao động càng cao. Trong số những lao động làm việc trên 12 giờ có 71% lao động dưới trung học cơ sở và 94,7% số lao động có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống. Trong khi đó, 44,2% lao động có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên có số giờ lao động dưới 8 giờ/ngày.

• Tuổi và giới tính của lao động

Tuổi bình quân của các lao động tham gia làm việc phi chính thức tại TP.HCM khá trẻ, dao động trong khoảng khoảng từ 26,7 đến 28,3 tuổi. Trong đó, 50% lao động có độ tuổi nhỏ hơn 22 tuổi, 80% có độ tuổi dưới 37 tuổi và 90% lao động có độ tuổi nhỏ hơn 45 tuổi; tuy nhiên, phổ biến nhất từ 19 đến 22 tuổi (bảng 4).

Mặt khác, xét theo quy mô hoạt động, tuổi của các lao động hoạt động theo quy mô hộ gia đình cao nhất, bình quân là 32,65 tuổi. Trong khi đó, lao động hoạt động theo quy mô doanh nghiệp lại thấp nhất, bình quân 24,23 tuổi, và lao động theo quy mô cá nhân có độ tuổi bình quân là 28,58 tuổi. Như vậy, kết quả trên cho thấy, lao động trẻ tuổi có xu hướng tìm việc tại các công ty, doanh nghiệp cao hơn so với những lao động lớn tuổi (bảng 4).

BẢNG 4: Tuổi theo quy mô hoạt động của lao động được khảo sát tại TP.HCM

	Trung bình	Tần số	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Quy mô cá nhân	28,58	135	15	57
Quy mô hộ gia đình	32,65	65	17	54
Quy mô doanh nghiệp	24,23	151	18	65
<i>Tổng</i>	<i>27,46</i>	<i>351</i>	<i>15</i>	<i>65</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Có sự tương đồng về số lượng nam và nữ làm việc phi chính thức, trong đó nam chiếm 44,6% và 55,4% là nữ. Trong đó, lao

động nam giới có độ tuổi bình quân cao hơn so với nữ giới (28,3 tuổi so với 26,8 tuổi).

Như vậy, lao động hoạt động trong KVKTPCT có độ tuổi còn khá trẻ và khá đa dạng, phong phú. Lao động nam tham gia vào KVKTPCT có độ tuổi cao hơn so với nữ giới. Xét về quy mô, những lao động làm việc trong khu vực hộ gia đình có độ tuổi cao nhất, kế đến là lao động cá nhân, cuối cùng, lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp có độ tuổi cao nhất. Xét về giới, không có sự bất bình đẳng nhiều đối với các lao động khi tham gia vào KVKTPCT.

• Nguyên nhân lao động tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức

Phần đông lao động tham gia vào khu vực này chủ yếu nhằm mục đích tạo thêm thu nhập cho gia đình để ổn định cuộc sống (49,1%); thứ hai, các lao động muốn tận dụng thời gian nhàn rỗi của bản thân (18,2%), hoặc tận dụng vị trí thuận lợi của gia đình (15,2%); nguyên nhân tiếp theo là do thất nghiệp, không tìm được việc làm chính thức nên tham gia vào khu vực phi chính thức trong thời gian tìm kiếm việc làm mới tại khu vực chính thức (14,6%); cuối cùng đó là muốn nối nghề truyền thống (2,9%) (bảng 5).

BẢNG 5: Nguyên nhân làm việc phi chính thức tại TP.HCM

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tần số	Tần suất (%)	
Không tìm được việc làm chính thức	65	14,6	18,5
Tạo thêm thu nhập ổn định	219	49,1	62,4
Nối nghề truyền thống	13	2,9	3,7
Tận dụng vị trí thuận lợi	68	15,2	19,4
Tận dụng thời gian nhàn rỗi	81	18,2	23,1
<i>Tổng</i>	<i>446</i>	<i>100,0</i>	<i>127,1</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

BẢNG 6: Mức thu nhập bình quân của các lao động thuộc KVKTPCT tại TP.HCM

	Tần số	Tần suất (%)
Dưới 1 triệu	120	34,2
1-3 triệu	146	41,6
3-5 triệu	55	15,7
5-10 triệu	20	5,7
Trên 10 triệu	10	2,8
<i>Tổng</i>	<i>351</i>	<i>100,0</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Đến với việc làm phi chính thức, lao động xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng đều với mục đích chính đó là tạo thêm thu nhập và ổn định thu nhập kinh tế gia đình. Cụ thể là, dữ liệu điều tra cho thấy 58,9% người cho rằng việc làm phi chính thức tạo nên thu nhập chính cho họ

và 41.1% cho rằng đó chỉ là thu nhập phụ thêm. Trong đó, 34,2% lao động có thể tạo được thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng, 41,6% lao động có thể tạo được thu nhập từ 1 đến 3 triệu đồng/tháng, 15,7% lao động có thể tạo được thu nhập từ 3 đến 5 triệu/tháng và 8,5% lao động có thể tạo thu

nhập trên 5 triệu/tháng. Với kết quả trên, 75,8% người lao động có thu nhập khá thấp, dưới 3 triệu đồng/tháng và theo nhận định của chính những lao động này, nguồn thu nhập này vẫn là thu nhập chính bản thân và hộ gia đình (bảng 6).

• *Các kênh thông tin để tiếp cận*

Các kênh thông tin để người lao động tiếp cận việc làm phi chính thức khá hạn chế. Hầu hết các lao động đều đến với công

việc hiện tại bằng nỗ lực của chính bản thân (chiếm 51%), hoặc thông qua người quen giới thiệu (chiếm 41,8%). Các kênh thông tin khác như: trung tâm giới thiệu việc làm, các tổ chức hiệp hội đóng vai trò khá thấp trong việc giới thiệu việc làm cho các lao động. Số lao động có được việc làm thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm chỉ chiếm 5% và các trung tâm, hiệp hội chỉ chiếm 2,2% (bảng 7).

BẢNG 7: Khả năng tìm việc của lao động phi chính thức tại TP.HCM

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tán số	Tán suất (%)	
Tự tìm việc	183	51.0	52.4
Người quen giới thiệu	150	41.8	43.0
Trung tâm giới thiệu việc làm	18	5.0	5.2
Các tổ chức hiệp hội giới thiệu	8	2.2	2.3
<i>Tổng</i>	<i>359</i>	<i>100.0</i>	<i>102.9</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

• *Hình thức quản lý*

Trong KVKTPCT, những lao động thuộc quy mô cá nhân và quy mô gia đình thường tự quản lý hoạt động của mình, thực tế, hình thức quản lý thường không trải qua khâu ghi chép, tính toán hay lên kế hoạch mà đơn giản chỉ là tự tính về doanh thu thu vào và chi phí bỏ ra, chênh lệch giữa phần này gọi là lợi nhuận. Với cách tính này, người lao động tham gia trong KVKTPCT thường bỏ qua yếu tố chi phí nhân công trong hoạt động, họ thường xem nhân công nằm trong phần lợi nhuận thu về - lấy công làm lãi. Với những lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp, hình thức quản lý do chính doanh nghiệp thực hiện và người lao động hưởng lương; thông thường, với những lao động này, hình thức quản lý của doanh nghiệp áp dụng theo chế độ sản phẩm, theo ngày công, theo lượng công việc khoán sẵn, ... và thường lao động trong những trường hợp này không có hợp đồng lao động, do đó

không được hưởng những chế độ phúc lợi khác.

1.3. Những khó khăn trong việc làm phi chính thức ở TP.HCM

Phần lớn lao động hoạt động trong KVKTPCT đều cho rằng, họ gặp ít nhất một khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Nhóm khó khăn thứ nhất được đề cập đến đó là: tìm kiếm nguồn đầu vào như nguồn hàng hóa, nguồn nguyên liệu, kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm hoạt động hoặc phương pháp hoạt động và cách thức đăng ký kinh doanh hiệu quả. Nhóm khó khăn thứ hai được đề cập đến là khó khăn ở khâu đầu ra cho sản phẩm như: thị trường tiêu thụ và xu hướng thị trường hiện đang có sự giảm dần. Nhóm khó khăn thứ ba đó là những lao động hoạt động trong KVKTPCT thường thiếu quan tâm đến vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe trong khi xu hướng thị trường đang hình thành và quan tâm đến các vấn đề này.

BẢNG 8: Những khó khăn trong quá trình hoạt động của lao động phi chính thức tại TP.HCM

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tần số	Tần suất (%)	
Tìm nguồn nguyên liệu	12	2,7	3,8
Kỹ năng kiến thức	233	52,1	74,7
Tìm kiếm thị trường tiêu thụ	61	13,6	19,6
Rủi ro trong an toàn lao động, an toàn về sinh thực phẩm	39	8,7	12,5
Xu hướng thị trường giảm dần	31	6,9	9,9
Đăng ký hoạt động	9	2,0	2,9
Phương hướng hoạt động	62	13,9	19,9
<i>Tổng</i>	<i>447</i>	<i>100,0</i>	<i>143,3</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Trước những khó khăn trên, đa số người lao động trong khu vực này chọn cách giải quyết độc lập bằng khả năng tự thân vận động – tự tìm nguồn nguyên liệu (54,4%) hoặc chọn cách chia sẻ cùng nhóm làm việc, rất ít lao động tìm đến các tổ chức, hiệp hội hoặc công đoàn hoặc cơ quan nhà nước để nhờ giải quyết những khó khăn. Nguyên nhân do bản thân người lao động chưa nhận ra được đâu là đơn vị, tổ chức hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết được khó khăn của họ. Hơn nữa, bản thân người lao động cũng cho rằng, việc làm của bản thân không có sự đăng ký nên rất khó để tìm được sự giúp đỡ từ các đơn vị này. Một nguyên nhân khác chính là

bản thân các hiệp hội chưa thể hiện được vai trò của mình trong việc thông tin đến các lao động trong khu vực này. Vì thế, bên có nhu cầu và bên cung cấp nhu cầu chưa gặp nhau và khả năng giải quyết khó khăn cho các lao động này của các cơ quan, tổ chức hiệp hội tại TP.HCM còn khá thấp. Mặt khác, những đối tượng nhờ đến sự giúp đỡ thường là những lao động có trình độ học vấn khá cao, làm việc tại các doanh nghiệp, công ty trên địa bàn, vì thế cơ hội để những đối tượng này nhận được sự hỗ trợ thường dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ học vấn thấp và hoạt động tại những cơ sở có quy mô cá nhân hoặc hộ gia đình.

BẢNG 9: Khả năng giải quyết khó khăn của lao động phi chính thức

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tần số	Tần suất (%)	
Tự giải quyết khó khăn	206	54,4	58,9
Nhờ hiệp hội, tổ chức, công đoàn	18	4,7	5,1
Nhờ vào cơ quan nhà nước	13	3,4	3,7
Chia sẻ cùng nhóm làm việc	142	37,5	40,6
<i>Tổng</i>	<i>379</i>	<i>100,0</i>	<i>108,3</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Các tổ chức có thể hỗ trợ người lao động làm việc phi chính thức thường chủ yếu là doanh nghiệp đang hoạt động (38,1%), hoặc các nhóm làm việc chung trong quá trình hoạt động (23,8%). Trong khi đó, chỉ có 18,1%

lao động trong khu vực này tìm đến cơ quan chính quyền, 11,6% tìm đến tổ chức là đoàn thanh niên và 8,4% tìm đến tổ hiệp hội. hội phụ nữ thành phố để nhờ hỗ trợ những khó khăn trong quá trình hoạt động (bảng 10).

BẢNG 10: Những tổ chức có khả năng hỗ trợ cho hoạt động của các lao động phi chính thức tại TP.HCM

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tần số	Tần suất (%)	
Hội phụ nữ	27	8,4	10,0
Đoàn thanh niên	37	11,6	13,8
Cơ quan, chính quyền	58	18,1	21,6
Công ty đang làm việc	122	38,1	45,4
Đội, nhóm làm việc	76	23,8	28,3
<i>Tổng</i>	<i>320</i>	<i>100,0</i>	<i>119,0</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

Các hình thức hỗ trợ phổ biến là: giải quyết việc làm, hỗ trợ về đăng ký hoạt động, đăng ký kinh doanh, hỗ trợ vốn và hỗ trợ về các thông tin trong quá trình hoạt động. Trong đó, tập trung nhất là hình thức hỗ trợ

về đăng ký hoạt động (41,5%) và hỗ trợ về thông tin hoạt động trong hệ thống các ngành cùng chức năng (31,2%). Bộ phận nhỏ còn lại cần đến hình thức hỗ trợ về giới thiệu việc làm hoặc hỗ trợ về vốn.

BẢNG 11: Các hình thức hỗ trợ của các cơ quan nhà nước và các tổ chức cộng đồng đối với lao động phi chính thức TP.HCM

	Trường hợp		Tỷ lệ so với số người trả lời (%)
	Tần số	Tần suất (%)	
Giới thiệu việc làm	43	16,5	24,3
Hỗ trợ về kỹ năng hoạt động	108	41,5	61,0
Hỗ trợ về vốn	28	10,8	15,8
Hỗ trợ về thông tin hoạt động	81	31,2	45,8
<i>Tổng</i>	<i>260</i>	<i>100,0</i>	<i>146,9</i>

Nguồn: Điều tra của tác giả (2012).

2. Giải pháp cho khu vực kinh tế phi chính thức thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Nhóm giải pháp về quản lý hành chính

KVKTPCT là khu vực kinh tế bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh đơn lẻ hoặc có tổ chức mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên,

các hoạt động này không được các chủ thể kinh tế đăng ký với các cơ quan chức năng quản lý, hoặc không theo chế độ báo cáo thống kê, kế toán chính thức. Để thu hẹp KVKTPCT, chính quyền TP.HCM cần đưa ra những quy định quản lý riêng cho từng loại hình kinh tế phi chính thức trên địa bàn TP.HCM

Công nhận tính hợp pháp của các hoạt động kinh tế phi chính thức và giao trách nhiệm quản lý khu vực kinh tế này cho các chính quyền địa phương, xã phường, nơi các đối tượng hoạt động kinh tế phi chính thức cư trú hoặc kinh doanh. Bởi vì, chính quyền địa phương là người nắm rõ các cá nhân, dân cư trú ngụ, làm ăn, sinh sống ở địa phương mình, nên sẽ theo sát được các hoạt động của các nhóm dân cư hoạt động ở khu vực kinh tế này. Khi được chính quyền địa phương công nhận các hoạt động của mình, được sự hỗ trợ về mặt tinh thần và pháp lý, người dân hoạt động ở khu vực này sẽ an tâm với nghề nghiệp và hình thức sản xuất, kinh doanh của mình. Từ đó, họ sẽ chú tâm nâng cao năng suất hiệu quả hoạt động, đầu tư thêm vốn, mở rộng cơ sở làm ăn, nâng cao năng suất lao động, nâng cao tay nghề... tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chất lượng ngày càng cao, thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước thì bất cứ loại hình hoạt động sản xuất, kinh doanh nào cũng đều phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, nhằm mục đích đảm bảo sự công bằng cho mọi loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường. Việc tính thuế đối với loại hình hoạt động trong KVKTPCT phải được thực hiện một cách phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ. Thuế suất vừa phải, phương thức hành thu đơn giản là nguyên tắc hàng đầu khi thực hiện chính sách thuế đối với khu vực này. Nghĩa là phải đảm bảo công bằng so với loại hình kinh tế chính thức nhưng đồng thời cũng không quá nặng nề, khiến cho các đối tượng thuộc KVKTPCT ngán ngại và trốn tránh vì sợ ảnh hưởng đến doanh thu và hoạt động kinh doanh, dẫn đến việc không chịu đăng ký hoạt động và nộp thuế một cách chính thức.

Qua kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong KVKTPCT như sản xuất, thương mại, dịch vụ, vận tải và các ngành tiểu thủ công nghiệp, buôn bán

dịch vụ vĩa hè, may gia công và một số lãnh vực khác cho thấy khu vực này cần phải có sự tham gia, định hướng và giúp đỡ của nhà nước. Cụ thể, đó là hệ thống chính sách khuyến khích hoạt động, hướng dẫn, giúp đỡ các đối tượng hoạt động trong khu vực này.

2.2. Nhóm giải pháp thị trường

Chính quyền địa phương cần phải nghiên cứu và phân loại các nhóm sản phẩm, dịch vụ, từ đó có phân định khu vực kinh doanh, thị trường tiêu thụ cho các đối tượng hoạt động sản xuất kinh doanh trong KVKTPCT. Việc phân chia này về thực chất giống như phân chia địa bàn hoạt động cho các nhóm ngành nghề một cách có tổ chức, không để tồn tại tình trạng tự phát, phân chia như đã diễn ra trong thực tế. Điều này, một mặt giúp cho chính quyền địa phương quản lý tốt hơn, tránh sự di chuyển quá nhiều của nhóm đối tượng cá thể, dẫn đến sự thay đổi cả nơi cư trú; mặt khác, hạn chế việc tranh chấp thị trường gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Việc tổ chức phân định này phải do chính quyền cấp cao hơn cấp phường, xã (nghĩa là cấp quận hoặc là cấp thành phố) thực hiện và điều phối.

2.3. Nhóm giải pháp về tài chính, tín dụng

KVKTPCT khó tiếp cận đến các nguồn vốn chính thức. Nhóm này chỉ tiếp cận được nguồn vốn từ gia đình, bạn bè, người thân và các tổ chức tín dụng phi chính thức mỗi khi có nhu cầu, do đó đôi khi phải chịu lãi suất cao khi vay từ nguồn tín dụng phi chính thức như vay nóng, hụi,... Do tính chất hoạt động không đăng ký, không ổn định và không tài sản thế chấp nên khu vực này khó có thể tiếp cận đến nguồn vốn vay chính thức. Tuy nhiên, nhu cầu về vốn của khu vực kinh tế này cần phải được các cấp chính quyền quan tâm giải quyết, hỗ trợ để giúp giảm chi phí vốn, và giảm tình trạng dễ bị tổn thương nhằm mục đích cuối cùng là cải thiện đời sống. Vì vậy, hệ thống ngân hàng chính sách, quỹ xóa đói giảm nghèo và

các cơ quan quản lý về lao động, xã hội của thành phố cần phải có biện pháp phối hợp cùng nhau trong việc cung cấp các khoản vốn vay cho các đối tượng này. Điều này chỉ thực hiện được tốt khi các vấn đề khác như quản lý nơi cư trú, quản lý đăng ký kinh doanh, quản lý khu vực kinh doanh đối với KVKTPCT được thực hiện hiệu quả và có hệ thống, nhằm giảm thiểu mức rủi ro cho các tổ chức tín dụng chính thức khi tham gia cho vay vào KVKTPCT.

2.4. Giải pháp kỹ thuật và an toàn trong sản xuất - kinh doanh

KVKTPCT phần lớn có trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất đơn giản, thô sơ, trang thiết bị thiếu an toàn, nơi tiến hành sản xuất, kinh doanh thiếu vệ sinh an toàn thực phẩm cho người sản xuất kinh doanh và cho người tiêu dùng. Để cải thiện tình hình này, trước hết, chính quyền thành phố cần xây dựng mới hoặc sử dụng các quy định hiện hành về chế độ vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động trên cơ sở có sự bổ sung, chỉnh sửa sao cho phù hợp với đặc thù của loại hình kinh doanh phi chính thức trên địa bàn TP.HCM. Chính quyền các cấp từ thành phố đến cơ sở cần phải thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhóm đối tượng hoạt động kinh tế trong khu vực này. Đồng thời, chính quyền cơ sở phải thường xuyên, định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, an toàn cháy nổ... của các cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức do địa phương quản lý.

3. Kết luận

Khu vực kinh tế phi chính thức tồn tại như một quy luật khách quan của cuộc sống, do đó việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến khu vực này không phải chỉ trong ngắn hạn. Trước mắt, cần phải có những giải pháp đồng bộ, căn bản với lộ trình rõ

ràng, gắn liền với các chiến lược dài hạn về đô thị hóa, về di dân và phát triển dân số

Để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của KVKTPCT, nhà nước cần phải tạo môi trường, thể chế thuận lợi và có các chính sách điều tiết hợp lý, và có sự kết hợp đồng bộ giữa hệ thống pháp luật, các chính sách và các biện pháp hành chính, trong đó các chính sách đóng vai trò chủ yếu

TP.HCM và nhiều thành phố khác trong cả nước đang xây dựng những đô thị văn minh, hiện đại, do đó cần phải phát triển cân đối ngành nghề của dân cư, loại hình kinh tế nhằm đảm bảo quyền lợi của nhân dân nhưng cũng đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố. Là một đặc trưng của các đô thị Việt Nam, do đó việc làm phi chính thức cần được nhìn nhận xem xét ở một góc độ lịch sử - văn hóa sâu rộng hơn, ngoài góc độ kinh tế, để có thể mang lại những giải pháp hữu hiệu cho vấn đề này/.

TAI LIỆU THAM KHẢO

1. Chng, J.P., Lê, Văn Duy, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Văn Đoàn, Razafindrakoto, M., Roubaud, F. (2009), *Một số nét đặc trưng của khu vực kinh tế phi chính thức ở TP. Hồ Chí Minh*, Dự án TCTK-Viên KHTK/IRD-DIAL, Tổng cục Thống kê; Viện Khoa học thống kê, Hà Nội
2. Chng, J.P., Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thị Ngọc Trâm, Razafindrakoto M., & Roubaud F. (2010), *Khu vực kinh tế phi chính thức ở hai thành phố lớn của Việt Nam - Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh*, Dự án TCTK-Viên KHTK/IRD-DIAL, Tổng cục Thống kê; Viện Khoa học thống kê, Hà Nội
3. Lê Đăng Doanh và Nguyễn Minh Tú (1997), *Khu vực kinh tế phi chính thức - một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn VN trong quá trình chuyển đổi kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. Tổng cục Thống kê (2008), *Báo cáo về điều tra hộ, lương lao động và việc làm ở VN 2007*, NXB Thống kê, Hà Nội.
5. Phạm Văn Dũng (chủ biên) (2004), *Khu vực kinh tế phi chính thức: thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội